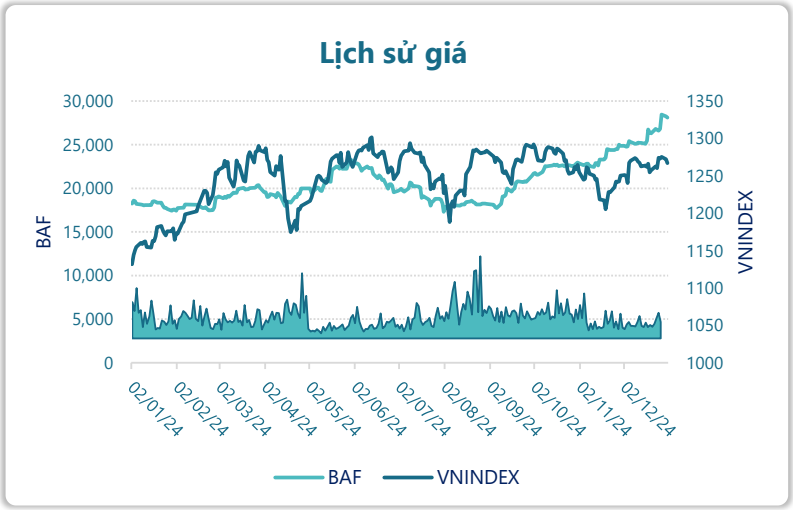
FireAnt

CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam (HSX: BAF)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**28,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,450
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,300
SL cổ phiếu LH	239,021,642
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,733,595
% sở hữu nước ngoài	3.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,717
P/E	20.8
EPS	1,350

DT thuần

Q4/24

1,627

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 313| 23.8%

YoY: ▲ 2.00| 0.1%

LN sau thuế

Q4/24

109

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 49.0| 82.1%

YoY: ▲ 139| 470%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

11.0%

+/- YoY: ▲ 7.8%

DT thuần

2024

5,554

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 355| 6.8%

LN sau thuế

2024

324

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 294| 968%

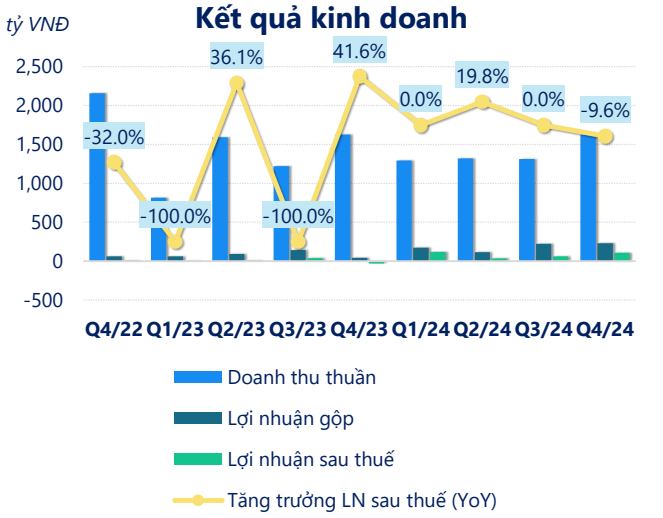
ROE

2024

13.3%

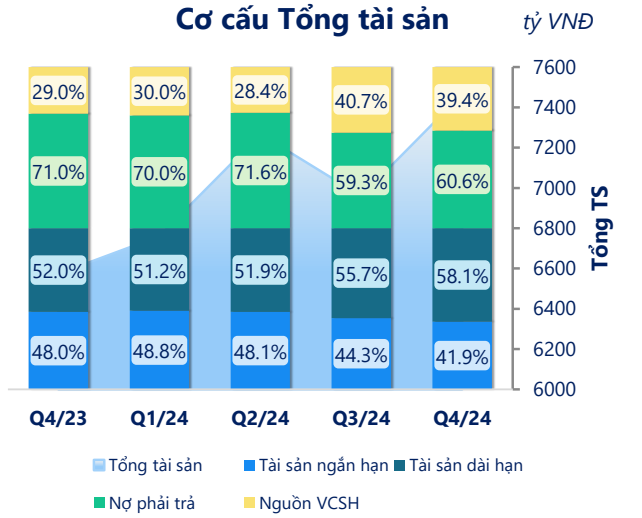
+/- YoY: ▲ 11.9%

Kết quả kinh doanh



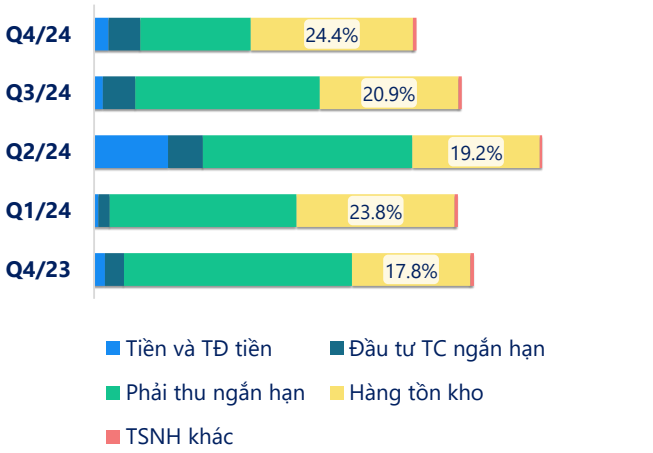
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



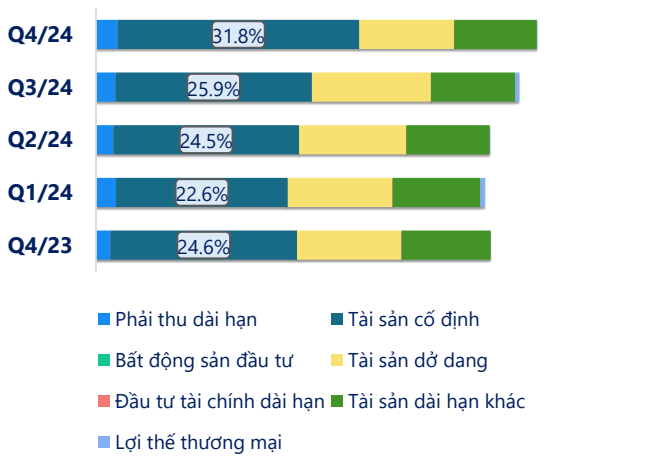
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



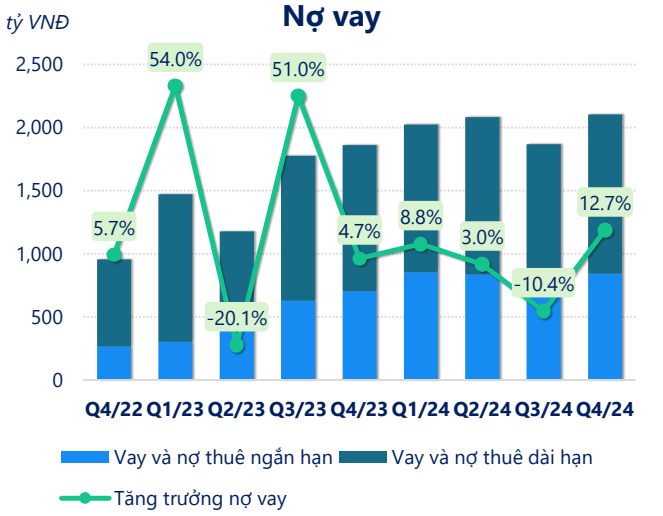
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



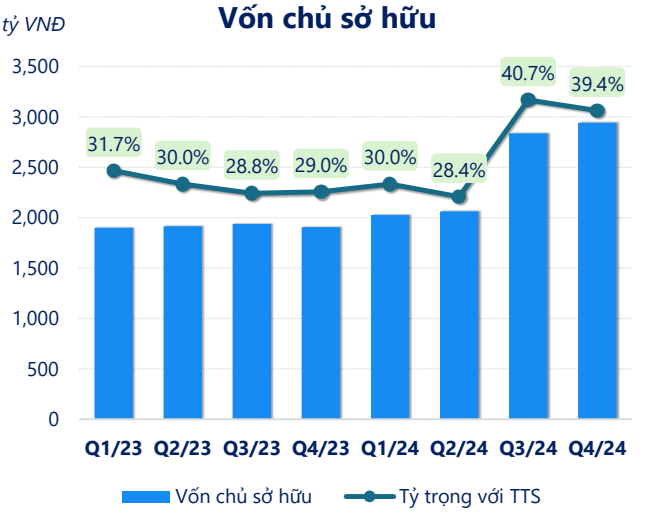
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



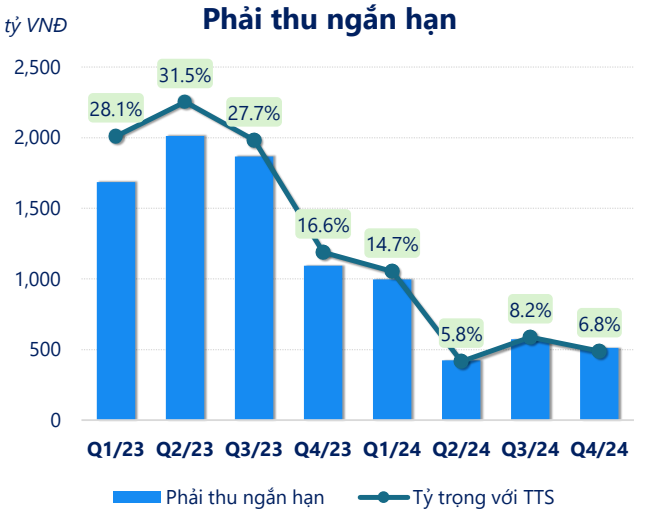
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



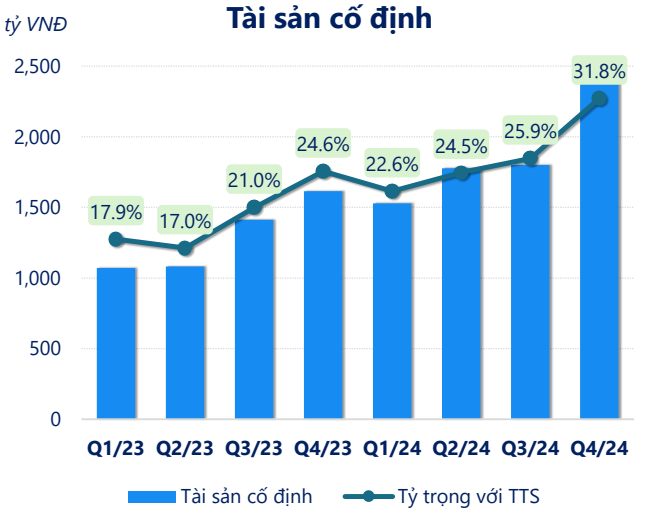
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



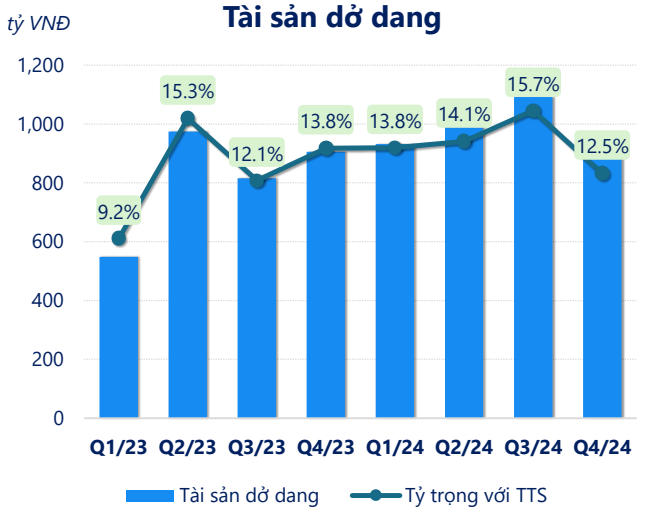
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



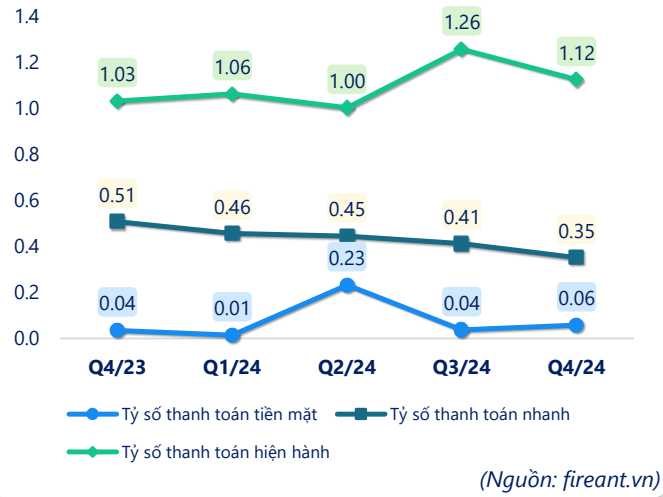
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



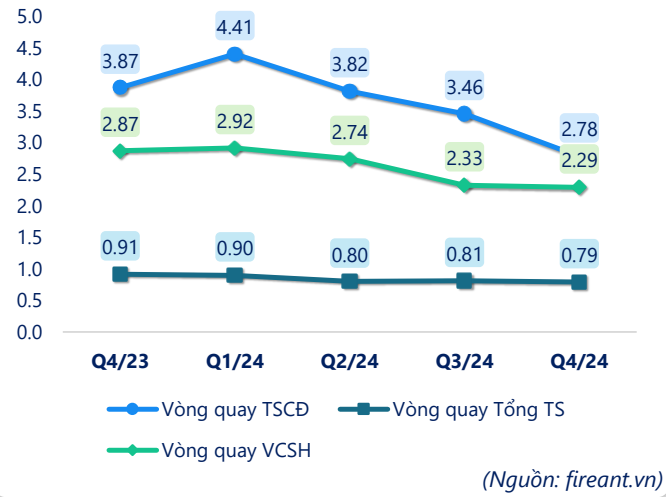
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**6,574**	**6,761**	**7,267**	**6,959**	**7,467**
Tài sản ngắn hạn	**3,157**	**3,297**	**3,497**	**3,080**	**3,130**
Tiền và tương đương tiền	108	44.8	810	90.3	161
Đầu tư tài chính ngắn hạn	315	346	298	323	268
Phải thu ngắn hạn	1,094	996	422	572	511
Hàng tồn kho	1,605	1,883	1,945	2,069	2,152
Tài sản ngắn hạn khác	35.3	27.1	22.8	25.5	38.6
Tài sản dài hạn	**3,417**	**3,464**	**3,770**	**3,879**	**4,336**
Phải thu dài hạn	124	179	166	178	213
Tài sản cố định	1,615	1,529	1,777	1,800	2,375
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	905	932	1,025	1,091	932
Đầu tư tài chính dài hạn	0.25	0.25	0	0.25	0
Tài sản dài hạn khác	772	781	799	770	815
Lợi thế thương mại	0	42.5	2.35	39.0	2.16
Nợ phải trả	**4,667**	**4,734**	**5,204**	**4,125**	**4,526**
Nợ ngắn hạn	**3,057**	**3,100**	**3,486**	**2,450**	**2,783**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	704	853	836	666	842
Phải trả người bán ngắn hạn	2,205	1,968	1,735	1,498	1,802
Nợ dài hạn	1,610	1,633	1,718	1,675	1,743
Vay và nợ thuê dài hạn	1,156	1,170	1,247	1,201	1,262
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,907**	**2,027**	**2,063**	**2,834**	**2,940**
Vốn chủ sở hữu	**1,907**	**2,027**	**2,063**	**2,834**	**2,940**
Vốn điều lệ	1,435	1,435	1,679	2,390	2,390
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)